

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày: 10- 01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Bùi Văn Tuấn**

Thẩm phán: ông **Nguyễn Hồng Ánh**

Các Hội thẩm nhân dân: ông **Vũ Xuân Kiều**; bà **Trần Thị Kim Thủy**; ông **Vũ Anh Tuấn**.

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Đức Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà **Trương Thị Năm** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 148/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Mạc Văn P**; tên gọi khác: **Mạc Duy T**; sinh ngày 25/10/1970, tại tỉnh Hải Dương; nơi ĐKNKTT: tổ B (nay là tổ B, khu B) phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở trước khi bị bắt: thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Mạc Văn C** và bà **Nguyễn Thị S**; có vợ là **Lưu Thị H** và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt truy nã ngày 25/7/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư **Nguyễn Thị Trà M** - Công ty L1, đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ **Tô Văn C1** (đã chết) - Đại diện hợp pháp: bà **Tô Thị T1**, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ G, khu C, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và bà **Tô Thị Kim D**, (bà T1 có mặt tại phiên tòa, bà **Tô Thị Kim D** đã chết ngày 03/1/2025 trước khi mở phiên tòa).

+ Ông **Tô N**, sinh năm 1958; nơi cư trú: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước, vắng mặt có đơn xin xử án vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông **Phạm Văn N1**, sinh năm 1960; nơi cư trú: tổ B, khu A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt

+ Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1964; nơi cư trú: tổ B, khu B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1990, Mạc Văn P làm hợp đồng cho Xí nghiệp T3, thuộc địa phận khai trường mỏ than Cọc 6, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Quảng Ninh. Nhiệm vụ của P, ban ngày bốc xúc phân loại than, ban đêm phụ giúp bảo vệ trông coi than.

Rạng sáng ngày 09/8/1990, P và anh Phạm Văn N1 (là bảo vệ của Xí nghiệp thăm dò than 1) đi kiểm tra phát hiện một số người trong đó có ông Tô Văn C1 (còn có tên gọi khác là T2), sinh năm 1970, trú tại tổ G, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh đang nhặt trộm than của Xí nghiệp cho vào quang gánh. Thấy thế, P và anh N1 đuổi không cho lấy trộm, thu bộ Q và than của ông C1.

Sáng ngày 10/8/1990, P và anh Lưu Văn K, sinh năm 1973, là người của Xí nghiệp thăm dò khảo sát 1, gánh mỗi người 01 gánh than cục xuống khu vực lô C, phường C, thành phố C, để bán lấy tiền cải thiện. Khi đến chân bãi thải mỏ than Đ, thuộc tổ G, phường C, thành phố C, thì gặp ông Tô Văn C1 và Tô Văn H1 (còn có tên gọi khác là Tô N), sinh năm 1956, hiện trú tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. C1 và N thấy P là người đã thu quang gánh và than của anh C1 hôm trước nên ông C1 và ông N lao vào đánh P. Khi bị đánh, P bỏ lại gánh than chạy về lán nơi P ngủ để lấy khẩu súng, vì trước đó biết trong lán có 01 khẩu súng loại K50 Xí nghiệp trang bị cho bảo vệ trông than, khẩu súng này anh N1 để ở dưới gối đầu giường. Khi lấy súng xong, P cầm chạy đến nơi vừa bị đánh thấy ông C1 và ông N đã gánh than đi, P đuổi theo khoảng 200m, thì đuổi kịp C1, N. Phát hô “đứng lại” và giương súng lên, lúc này thấy ông C1 và ông N chạy về phía P, cách P khoảng gần 2m, nhặt đá xít ném về phía P, P giơ súng nhắm vào chân ông N bắn 01 phát trúng vào chân phải, ông N bị ngã xuống; sau khi ông N bị ngã, P tiếp tục bóp cò bắn tiếp phát súng nữa trúng vùng ngực bụng ông C1, thấy ông C1 ngã gục nghiêng người về phía trước. Sau đó thấy người dân xung quanh gần đó đi đến, P sợ đã bỏ chạy về gần lán của P, gặp anh N1. P đưa khẩu súng K50 cho anh N1, còn P bỏ trốn. Hậu quả: ông Tô Văn C1, Tô N được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện. Đến ngày 11/8/1990, ông C1 tử vong, còn ông N bị thương chân phải.

Tại Giấy chứng thương đối với ông Tô Văn C1 của Bệnh viện T4 thể hiện: Vào viện hồi 09 giờ 30 ngày 10/8/1990, xác định tình trạng thương tích:

+ 1/3 cẳng tay trái có một vết thương kích thước 2x2 cm, gây dập nhiều cân cơ, mạch máu. Một vết thương xuyên từ mu bàn tay trái đến ô mô ngón trỏ, kích thước 2x2 cm.

+ Ngực trái ở khoang liên sườn 8-9 đường nách trước có 01 vết thương đường kính gần 01cm, không chảy máu, không thấy lỗ ra của đầu đạn. Đã mổ thấy viên đạn chéo qua góc sườn hoành xuyên cơ hoành vào ổ bụng, có máu không đông ở phổi trái. Rách cơ hoành dài 4cm, rộng 2cm.

+ Thủng dạ dày một lỗ ở mặt sau thân dạ dày kích thước (2x3)cm gây rách mạc nối kín. Vết thương đại tràng ngang góc nách dài 4cm, rộng 1,5cm. Có 04 lỗ thủng trên một đoạn ruột non dài 12cm. Kích thước mỗi lỗ (3x3) cm. Đứt một đoạn mạc treo cơ vữa.

+ Vết thương xuyên chéo vào khung đốt sống 10-11 gây tụ máu sau phúc mạc. Trong ổ bụng có khoảng 1,5 lít máu đông và không đông. Tử vong hồi 01 giờ 45 ngày 11/8/1990.

Tại Giấy chứng thương ông Tô Văn H1 (tức Tô Ngọc) ngày 16/10/1990, của Bệnh viện T4, thể hiện: Vết thương xuyên 1/3 dưới cẳng chân phải, gây vỡ vụn xương chày phải, thành nhiều mảnh to nhỏ khác nhau. Hai đầu xương di lệch ít, có hai mảnh xương nhỏ bong ra. Chỗ ra và vào của vết thương xuyên này kích thước (1,5x1,5)cm. Các bộ phận khác không thấy tổn thương gì.

Cơ quan điều tra khám nghiệm hiện trường xác định: Vụ án xảy ra tại khu vực chân đầu đường bãi thải mỏ than Đ, thuộc tổ G, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Hiện trường có vũng máu đọng không rõ hình kích thước (50x40)cm, bên mép đường cỏ, cây bị dập gãy. Từ vết máu đọng này cách 55m về phía C, thấy vết máu kéo dài liên tục và dừng lại ở 01 điểm tạo thành vết máu đọng thứ 2 không rõ hình, kích thước (50x60)cm.

Vật chứng thu giữ: Thu của anh Trần Văn T2, bảo vệ Xí nghiệp thăm dò khảo sát 1, giao nộp: 01 khẩu súng loại K50 cũ, báng gỗ, súng có dây đeo, số súng A2146 sản xuất năm 1951; 01 băng đạn, bên trong còn 01 viên, số hiệu 353 (cũ). Ngửi nòng súng, còn thấy mùi khét của thuốc súng. Quá trình phục hồi điều tra, Cơ quan điều tra hiện không xác định được hiện vật chứng đang ở đâu, do cơ quan, đơn vị nào hiện quản lý.

Sau khi gây án P bỏ trốn, Ngày 25/7/2024, P bị bắt truy nã. Tại Cơ quan điều tra Mạc Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, P thừa nhận hành vi dùng khẩu súng loại K50, báng gỗ chủ động bắn 02 người lao về phía P, trong đó bắn 01 người trúng vào chân (ông Tô N) và bắn 01 người trúng vào ngực (ông Tô Văn C1). Ngoài ra còn khai: Trước khi bắn 02 người thanh niên đó, P đã bắn chỉ thiên 01 phát. Khi thấy hai người bị P bắn ngã gục xuống, lúc đó có nhiều người dân xung quanh chạy về phía P, lo sợ bị người dân ở đây ra đánh nên P bỏ chạy. Khi chạy về gần lán gặp anh N1, P đưa khẩu súng cho anh N1, rồi bỏ trốn. Quá trình bỏ trốn P trốn đến huyện L, Bắc Giang ở nhà ông Mạc Đức L họ hàng xa, P giới thiệu là Mạc Duy T, cháu họ xa ở C, nói chán cuộc sống ở quê vì mâu thuẫn gia đình nên bỏ đi làm ăn, xin ông L có việc cho làm cùng, không kể cho ai biết sự việc dùng súng bắn người của P. Một thời gian sau, xin ông L cho nhập khẩu vào gia đình ông L, lấy lý do mất giấy tờ tùy thân, nên đi lại khó khăn. Ông L đồng ý. Khoảng năm 1993 nhập khẩu vào hộ nhà ông L, làm CMND mang tên Mạc Duy T, sinh ngày 25/10/1970, trú tại thị trấn C, L, Bắc Giang. Gần đây đã đi làm cấp đổi sang CCCD, vẫn mang thông tin Mạc Duy T. Quá trình bỏ trốn, sinh sống tại L, không phạm tội gì khác, có lập gia đình và sinh con.

Bản Cáo trạng số 6920/CT-VKSQN-P2 ngày 28/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Mạc Văn P về tội “*Giết người*” quy định tại các điểm d, g khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985.

Tại phiên tòa bị cáo Mạc Văn P thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận bị truy tố, xét xử về tội “*Giết người*” là đúng, không oan vì bị cáo có hành vi dùng súng bắn vào chân ông Tô N và bắn vào ngực ông Tô Văn C1, hậu quả làm ông C1 tử vong, ông N bị gãy chân. Bị cáo khẳng định lời khai tại cơ quan điều tra là chính xác, khách quan, không bị đe dọa ép buộc và có sự tham gia của Luật sư bào chữa cho bị cáo.

Bị hại là ông Tô N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, ông đã được nhận 02 triệu đồng từ năm 1990 do gia đình bị cáo bồi thường, ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và không có ý kiến gì về phần dân sự. Về trách nhiệm hình sự, ông đề nghị xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại Tô Văn C1 là bà Tô Thị T1 có quan điểm; gia đình chị đã nhận được số tiền 1.200.000đồng từ năm (1990) do gia đình

bị cáo bồi thường, nay chị đề nghị bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình với tổng số tiền 234.000.000. Tại phiên tòa hôm nay, nếu bị cáo trả đủ tiền cho gia đình chị thì chị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo và gia đình chưa bồi thường, nên chị đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường tổn thất cho gia đình bị hại với số tiền 234.000.000đồng, bị cáo xin đại diện bị hại xem xét vì bản thân đang phải chấp hành án, bị cáo sẽ có trách nhiệm tác động gia đình bồi thường cho đại diện gia đình bị hại.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: tại phiên tòa, bị cáo Mạc Văn P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Mạc Văn P phạm tội “Giết người”. Áp dụng điểm d, g khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985, sửa đổi bổ sung năm 1989; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Mạc Văn P tù chung thân; ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho đại diện bị hại số tiền 234.000.000 triệu đồng; đề nghị xử lý án phí, vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Luật sư đồng tình với cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh giết người đối với Tô Văn C1 là đúng, tuy nhiên nếu truy tố bị cáo về tình tiết định khung là giết nhiều người là bất lợi cho bị cáo vì đối với bị hại Tô N chỉ bị P gây thương tích, nên không phải là giết nhiều người. Mặt khác nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do các bị hại đã tấn công bị cáo trước. Bị cáo có nhân tốt, gia đình có công cách mạng, bố đẻ được tặng thưởng nhiều huân, huy chương, anh trai là liệt sỹ, gia đình có hoàn cảnh éo le con bị bệnh hiểm nghèo; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường khắc phục cho bị hại. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị và xử phạt bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn.

Bị cáo đồng ý quan điểm luật sư, không tranh luận bổ sung.

Luật sư đưa ra căn cứ đối đáp, giữ nguyên quan điểm đã đề nghị với hội đồng xét xử, đề nghị Hội đồng xem xét cân nhắc đưa ra bản án đúng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện bị hại không tranh luận.

Lời nói sau cùng: bị cáo biết hành vi là sai, bị cáo chỉ vì tuổi trẻ bồng bột, nông nổi đã có hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi đại diện hợp pháp của bị hại; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Q, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo, Luật sư bào chữa, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với việc bảo quản vật chứng thu giữ trong vụ án là khẩu súng K50, số súng A2146 sản xuất năm 1951; 01 băng đạn trong đó còn 01 viên đạn có số hiệu 353 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q bị thất lạc. Ngày 03/12/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành văn bản kiến nghị số 7091/KN-VKSQN-P2 khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án hình sự đối với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; bị cáo khẳng định lời khai nhận trong quá trình điều tra là đúng sự thật, thừa nhận bị truy tố, xét xử về tội danh, Điều luật viện dẫn trong Cáo trạng là đúng người, đúng tội; lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với Kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường; bản ảnh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 10/8/1990, tại khu vực đường chân bãi thải mỏ than Đ, thuộc tổ G, phường C, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Quảng Ninh, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát trong việc bị thu quang gánh than và lấy than, Mạc Văn P đã có

hành vi dùng súng K50 bắn súng bằng gỗ, bắn ông Tô Văn C1 01 (một) phát trúng vào vùng ngực và bắn ông Tô N 01 (một) phát trúng vào chân phải. Hậu quả làm ông Tô Văn C1 bị tử vong, ông Tô N bị thương ở chân phải.

Hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ, coi thường tính mạng của người khác. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với các tình tiết định khung “*Giết nhiều người*” và “*Có tính chất côn đồ*” quy định tại các điểm d, g khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985 như bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã nêu và viện dẫn truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Chỉ vì mâu thuẫn trong việc thu vét than mà bị cáo đã có hành vi dùng súng bắn vào ông Tô C1 và Tô N, hậu quả làm ông Tô C1 tử vong, ông Tô N bị thương ở chân phải. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của địa phương, gây bất bình trong dư luận. Ngoài ra sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó đòi hỏi phải có hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đối với Xí nghiệp thăm dò khảo sát 1 thuộc khai trường mỏ than Cọc 6, C là nơi làm việc của P trước khi phạm tội và là xí nghiệp trang bị khẩu súng cho bảo vệ để trông coi than, đây là vật chứng của vụ án. Do đó ban đầu Xí nghiệp thăm dò khảo sát 1 được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình tạm đình chỉ vụ án vì bị cáo bỏ trốn, Xí nghiệp T3 đã sát nhập với nhiều đơn vị khác và hiện nay đã giải thể, do đó không có căn cứ để triệu tập và xác định là người liên quan trong vụ án.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

* Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có.

* Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự. Xét về nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì thấy; các bị hại cũng có một phần lỗi, các bị hại trong vụ án này là những người có hành vi lao vào đánh bị cáo trước, khi bị cáo về lán lấy súng hô các bị hại đứng lại với khoảng cách 2m, các bị hại tiếp tục xông tới nhát đá xít ném về phía bị cáo dẫn đến việc bị cáo đã dùng súng bắn các bị hại. Vụ án xảy ra đã lâu (năm 1990), gia đình bị cáo đã

bồi thường cho bị hại ông Tô N, ông N có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; gia đình bị hại C1 cũng đã nhận được 1.200.000đồng từ năm 1990. Gia đình bị cáo là gia đình công với Nhà nước. Bố đẻ của bị cáo được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến, anh trai bị cáo là liệt sỹ (hiện gia đình phải thờ cúng liệt sỹ); con đẻ của bị cáo bị bệnh hiểm nghèo, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với quan điểm bào chữa của luật sư cho bị cáo và phần đối đáp của Viện kiểm sát về nội dung; không xem xét áp dụng tình tiết định khung (giết nhiều người theo điểm d khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự 1985). Hội đồng xét xử thấy: súng quân dụng là vũ khí nguồn nguy hiểm cao độ và có tính sát thương cao, một khi đã chĩa súng về phía bị hại và đạn đã ra khỏi nòng súng sẽ không kiểm soát được về hậu quả. Trong vụ án này bị cáo dùng súng bắn hai bị hại, một người chết, một người bị thương, nên Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo về tội giết người với tình tiết định khung (giết nhiều người) là có căn cứ, do đó không chấp nhận đề nghị của luật sư về nội dung này.

Đối với quan điểm của luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt tù có thời hạn, về nội dung này Hội đồng xét xử thấy: Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của của bị cáo cũng có một phần lỗi của các bị hại, vụ án xảy ra đã lâu (1990). Trong vụ án này sau khi đã gây án bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, tuy nhiên gia đình bị cáo đã khắc phục bồi thường cho các bị hại thay cho bị cáo, cụ thể đã bồi thường khắc phục cho bị hại Tô Ngọc 2.000.000 đồng; đại diện gia đình bị hại C1 1.200.000 đồng. Tuy bị cáo không trực tiếp tác động nhưng thể hiện sự tự nguyện khắc phục hậu quả của gia đình bị cáo đối với các bị hại. Theo hướng có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét có thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo mức hình phạt có thời hạn, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật cũng đảm bảo tính răn đe phòng chống tội phạm.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bị hại là ông Tô N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Bà Tô Thị T1 là đại diện hợp pháp của bị hại Tô C1 yêu cầu bị cáo Mạc Văn P phải bồi thường tổng số tiền 234.000.000đ (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng). Bị cáo Mạc Văn P đồng ý bồi thường theo yêu cầu. Xét thấy, các bên tự thỏa thuận về việc bồi thường phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: đối với căn cước công dân mang tên Mạc Duy T, xét thấy đây là căn cước được làm theo thông tin giả mà bị cáo cung cấp. Nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo; bị hại; đại diện bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với hành vi Mạc Văn P sử dụng súng K50 trong việc bắn các bị hại có dấu hiệu sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, nhưng hiện không xác định được vật chứng đang ở đâu. Ngoài ra đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không đề cập xử lý.

Đối với ông Tô Văn C1, Tô N có hành vi nhặt trộm than của Xí nghiệp T3, bị P và anh N1 phát hiện kịp thời thu giữ, xí nghiệp cũng không có đề nghị gì trong việc này nên không đề cập giải quyết.

[10] Về kiến nghị các cơ quan liên quan:

Liên quan đến vụ án kiến nghị Công an tỉnh B trong công tác quản lý nhà nước về việc cấp căn cước cho công dân cần kiểm tra, xác minh thông tin chính xác. Tránh cấp chứng minh nhân dân, căn cước công dân cho các đối tượng đang bị truy nã như bị cáo Mạc Văn P trong vụ án này.

Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q trong việc giao nhận, bảo quản vật chứng cần phải được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Tránh làm thất thoát, thất lạc vật chứng ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Mạc Văn P phạm tội “Giết người”.

- Áp dụng điểm d, g khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm b, s khoản 1 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Mạc Văn P 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2024.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586; 590; 593; 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo Mạc Văn P bồi thường cho bà Tô Thị T1 số tiền 234.000.000đ (hai trăm ba mươi tư triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Mạc Văn P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 11.700.000đ (mười một triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự, án xử công khai. Báo cho bị cáo, bị hại (đại diện bị hại) biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Cơ quan điều tra CA tỉnh QN;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh QN;
- Cục THADS tỉnh QN;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; bị hại; người có QLVN liên quan;
- TTG CA tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn